

UNIT 8: FESTIVALS AROUND THE WORLD

Lesson 1

Word	Transcription	Meaning
annual (adj)	/ˈænjʊəl/	hàng năm
attraction (n)	/əˈtrækʃən/	điểm thu hút du khách, điểm hấp dẫn
bonfire (n)	/ˈbʌnˌfaɪər/	lửa mừng, lửa trại
competition (n)	/ˌkʌmpəˈtɪʃən/	cuộc thi
fight (n)	/faɪt/	cuộc đấu
hot-air balloon (n)	/hɒt-ɛr bəˈluːn/	khinh khí cầu
lantern (n)	/ˈlæntərn/	lồng đèn
participant (n)	/pɑːˈtɪsɪpənt/	người tham gia
race (adj)	/reɪs/	cuộc đua
sculpture (n)	/ˈskʌlpʃər/	tác phẩm điêu khắc

Lesson 2

Word	Transcription	Meaning
celebrate (v)	/ˈseɪləˌbreɪt/	kỷ niệm
decorate (v)	/ˈdeɪkəˌreɪt/	trang trí, trang hoàng
exchange (v)	/ɪksˈtʃeɪndʒ/	trao đổi
greeting (n)	/ˈɡriːɪŋ/	lời chào hỏi, lời chào mừng
midnight (n)	/ˈmɪdˌnaɪt/	nửa đêm

pudding (n)	/ˈpʊdɪŋ/	bánh pút-đinh
temple (n)	/ˈtɛmpəl/	đền, chùa, miếu
tradition (n)	/trəˈdɪʃən/	truyền thống
wish (v)	/wɪʃ/	ước

Lesson 3

Word	Transcription	Meaning
defeat (v)	/dɪˈfi:t/	đánh bại
demon (n)	/ˈdɪmən/	quỷ, yêu ma
mud (v)	/mʌd/	bùn, sình lầy
muddy (adj)	/ˈmʌdi/	đầy bùn, lầy lội
race (v)	/reɪs/	(chạy) đua
wrestling (n)	/ˈrɛslɪŋ/	môn đấu vật